

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25-9-2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Hoàng Đức Hân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ hiện nay: Thôn 2, xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ hiện nay: Thôn 1, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2020 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên và tại phiên tòa, chị Trương Thị H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 13 tháng 4 năm 2017. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 1, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2017 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 có một con chung tên là Phạm Hoàng H2 sinh ngày 30/11/2017. Hiện con đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Phạm Văn H1 tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 không có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong đơn đề ngày 14 tháng 7 năm 2020 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên và tại phiên tòa, anh Phạm Văn H1 (bị đơn) trình bày:

Anh Phạm Văn H1 thừa nhận lời trình bày của chị Trương Thị H về quan hệ hôn nhân và con chung là đúng. Nay chị Trương Thị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung anh có quan điểm như chị Trương Thị H đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1. Giao con chung tên là Phạm Hoàng H2 sinh ngày 30/11/2017 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Trương Thị H

và anh Phạm Văn H1 tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Trương Thị H xin ly hôn với anh Phạm Văn H1 và anh Phạm Văn H1 đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị H với anh Phạm Văn H1.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 có một con chung tên là Phạm Hoàng H2 sinh ngày 30/11/2017. Khi ly hôn, chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 đều có nguyện vọng nuôi con. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 đều có điều kiện nuôi con, hiện con đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang do chị Trương Thị H nuôi dưỡng, con dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Trương Thị H trực

tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Phạm Hoàng H2 sinh ngày 30/11/2017 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Phạm Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trương Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0002130 ngày 14 tháng 7 năm 2020; Chị Trương Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị H, anh Phạm Văn H1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã N, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trung Hiếu**